SAO Y; Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu; 21/07/2023 10:55:34

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82 /NQ-HĐND	*Thành phố Lai Châu, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị quyết: Số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 57/NQ-HĐND ngày 6/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hoá tập trung; Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 6/8/2022 của HĐND thành phố về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND thành phố về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Sau khi xem xét Báo cáo số 1757/BC-UBND ngày 30/6/2023 của UBND thành phố Lai Châu; Tờ trình số 1760/TTr-UBND ngày 30/6/2023 của UBND thành phố dự thảo Nghị quyết dự kiến về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-HĐND ngày 13/7/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố và ý kiến của các Đại biểu HĐND thành phố Lai Châu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 với các nội dung sau:

1. Dự kiến tổng Kế hoạch vốn năm 2024 là 113.787 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh quản lý: 18.613 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách thành phố quản lý: 80.315 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia: 14.859 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, phương án phân bổ

2.1. Nguyên tắc phân bổ:

(1) Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2024.

(2) Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, Chỉ thị của Nhà nước; theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật liên quan.

(3) Phù hợp với khả năng cân đối vốn; bố trí vốn đầu tư tập trung, không đầu tư dàn trải, không để nợ đọng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan.

(4) Bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ vốn đầu tư công góp phần tăng cường phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

(5) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan.

(6) Việc bố trí vốn nguồn vốn thành phố quản lý như sau: Dựa trên nhu cầu vốn, khả năng cân đối vốn, tiến độ thực hiện dự án nhằm đảm bảo khả năng giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2024:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024.

- Bố trí đủ vốn cho dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt và quy định về thời gian bố trí vốn.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2.2. Dự kiến phương án phân bổ

(1) Nguồn ngân sách tỉnh quản lý: Dự kiến kế hoạch vốn là 18.613 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương, kế hoạch vốn 18.613 triệu đồng.

Kế hoạch vốn là 18.613 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024: 18.613 triệu đồng.

(2) Nguồn ngân sách thành phố quản lý: 80.315 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác: 20.766 triệu đồng, trong đó:

+ 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024, kế hoạch vốn là 4.803 triệu đồng.

+ 02 dự án (trong đó: 01 dự án lồng ghép vốn) dự kiến hoàn thành sau năm 2024, kế hoạch vốn là 15.963 triệu đồng.

- Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác: 51.500 triệu đồng, trong đó:

+ 01 dự án hoàn thành trước 31/12/2023, kế hoạch vốn: 845 triệu đồng.

+ 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024, kế hoạch vốn là 1.400 triệu đồng.

+ 01 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024, kế hoạch vốn là 49.255 triệu đồng.

- Nguồn vốn tỉnh bổ sung cho ngân sách thành phố thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hoá tập trung: 8.049 triệu đồng, trong đó:

+ 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024: 8.049 triệu đồng.

(3). Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 14.859 triệu đồng

* Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 10.463 triệu đồng, trong đó:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 654 triệu đồng.

+ 01 dự án dự kiến hoàn thành trước 31/12/2023: 374 triệu đồng.

+ 01 dự án khởi công mới năm 2024 (nội dung hỗ trợ nhà ở): 280 triệu đồng.

- Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 4.640 triệu đồng.

+ 01 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024: 4.640 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: 2.169 triệu đồng.

+ 01 dự án dự kiến hoàn thành trước 31/12/2023: 806 triệu đồng.

+ 02 dự án khởi công mới năm 2024: 1.363 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 3.000 triệu đồng.

+ 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024: 3.000 triệu đồng.

* Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 4.396 triệu đồng, trong đó:

- 01 công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2023: 497 triệu đồng.

- 01 công trình dự kiến hoàn thành sau năm 2024: 227 triệu đồng.

- 05 công trình khởi công mới năm 2024: 3.672 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024, chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Lai Châu khóa IV, kỳ họp thứ 11, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND-UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU T. LAI CHÂU

Giàng Thị Xoa

BIỂU DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 82 /NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt				Dự toán sau đấu thầu, chỉ thầu	Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Năm 2023		Ước giải ngân kế hoạch vốn 2023 từ 1/1/2023 đến 31/01/2024	Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2023	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó					Luỹ kế vốn từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn 2023				
							NSTW	NSĐP									
	TỔNG SỐ					**379.723**	**100.000**	**241.700**	**345.963**	**81.484**	**362.526**	**204.661**	**118.367**	**118.937**	**155.684**	**113.787**	
A	**NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ**					**100.000**	**100.000**		**98.613**	**50.000**	**100.000**	**80.000**	**30.000**	**30.000**	**18.613**	**18.613**	
I	**Nguồn ngân sách trung ương**					**100.000**	**100.000**		**98.613**	**50.000**	**100.000**	**80.000**	**30.000**	**30.000**	**18.613**	**18.613**	
*	*Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024*					*100.000*	*100.000*		*98.613*	*50.000*	*100.000*	*80.000*	*30.000*	*30.000*	*18.613*	*18.613*	
1	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	Tp. Lai Châu,HTam Đường	HTKT, Nhóm B	2021-2024	Số 1606 03/12/2021	100.000	100.000		98.613	50.000	100.000	80.000	30.000	30.000	18.613	18.613	
B	**NGUỒN VỐN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ (ngân sách địa phương)**					**242.239**		**241.700**	**226.247**	**31.484**	**227.700**	**110.019**	**78.535**	**78.535**	**117.985**	**80.315**	
I	**Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và nguồn vốn hợp pháp khác**					**27.300**		**27.300**	**26.687**		**27.300**	**16.296**	**16.296**	**16.296**	**10.391**	**20.766**	
*	*Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024*					*13.300*		*13.300*	*12.799*		*13.300*	*7.996*	*7.996*	*7.996*	*4.803*	*4.803*	
2	Trạm Y tế xã San Thàng	Xã San Thàng	CTDD nhóm C	2023-2024	Số 2240 24/11/2022	6.000		6.000	5.515		6.000	3.596	3.596	3.596	1.919	1.919	
3	Nhà lớp học bộ môn trường THCS Quyết Tiến	Phường Quyết Tiến	CTDD nhóm C	2023-2024	Số 2242 24/11/2022	7.300		7.300	7.284		7.300	4.400	4.400	4.400	2.884	2.884	
*	*Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024*					*14.000*		*14.000*	*13.888*		*14.000*	*8.300*	*8.300*	*8.300*	*5.588*	*15.963*	
4	Nhà lớp học và nhà hiệu bộ trường Tiểu học Kim Đồng	Phường Đông Phong	CTDD nhóm C	2023-2025	Số 2241 24/11/2022	14.000		14.000	13.888		14.000	8.300	8.300	8.300	5.588	5.588	
-	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17, phường Quyết Thắng	Tp. Lai Châu	CTGT nhóm B cấp III	2021-2025	Số 234 21/3/2022											10.375	Lồng ghép vốn
II	**Nguồn vốn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác**					**192.000**		**192.000**	**178.000**	**28.819**	**178.000**	**80.319**	**51.500**	**51.500**	**99.545**	**51.500**	
*	*Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023*					*14.000*		*14.000*	*14.000*	*7.000*	*14.000*	*10.800*	*3.800*	*3.800*	*3.200*	*845*	

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt				Dự toán sau đấu thầu, chỉ thầu	Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Năm 2023		Ước giải ngân kế hoạch vốn 2023 từ 1/1/2023 đến 31/01/2024	Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2023	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó					Luỹ kế vốn từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn 2023				
							NSTW	NSĐP									
5	Nâng cấp tuyến đường từ ngã 5 bản Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi	Tp. Lai Châu	CTGT nhóm C	2022-2023	Số 2347 10/12/2021	14.000		14.000	14.000	7.000	14.000	10.800	3.800	3.800	3.200	845	
*	*Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024*					*38.000*		*38.000*	*38.000*	*16.900*	*38.000*	*36.600*	*19.700*	*19.700*	*1.400*	*1.400*	
6	Tuyến đường từ QL4D đến bản Tà Chải, Trung Chải xã Sùng Phài	Tp. Lai Châu	HTKT cấp III	2021-2023	Số 1252 03/8/2021	38.000		38.000	38.000	16.900	38.000	36.600	19.700	19.700	1.400	1.400	
*	*Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024*					*140.000*		*140.000*	*126.000*	*4.919*	*126.000*	*32.919*	*28.000*	*28.000*	*94.945*	*49.255*	
7	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17, phường Quyết Thắng	Tp. Lai Châu	CTGT nhóm B cấp III	2021-2025	Số 234 21/3/2022	140.000		140.000	126.000	4.919	126.000	32.919	28.000	28.000	94.945	49.255	
III	**Nguồn vốn thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hoá tập trung**					**22.939**		**22.400**	**21.560**	**2.665**	**22.400**	**13.404**	**10.739**	**10.739**	**8.049**	**8.049**	
*	*Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024*					*22.939*		*22.400*	*21.560*	*2.665*	*22.400*	*13.404*	*10.739*	*10.739*	*8.049*	*8.049*	
8	Đường giao thông vùng chè xã Sùng Phài, San Thàng	xã Sùng Phài - xã San Thàng, thành phố Lai Châu	L= 13km, Đường GTNN cấp C	2022-2024	Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	9.373		9.100	9.060	1.083	9.100	5.446	4.363	4.363	3.614	3.614	
9	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thuỷ lợi xã Sùng Phài	xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu	Nâng cấp, sửa chữa 4 đầu mối, 5 tuyến L= 5,1km	2022-2024	Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	13.566		13.300	12.500	1.582	13.300	7.958	6.376	6.376	4.435	4.435	
C	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**					**37.484**			**21.103**		**34.826**	**14.642**	**9.832**	**10.402**	**19.086**	**14.859**	
I	**CT MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**					**27.408**			**16.125**		**25.026**	**10.634**	**6.628**	**7.198**	**13.510**	**10.463**	
1	***Dự án 1: giải quyết tình trang thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt***					***3.215***			***2.630***		***3.215***	***1.976***	***1.049***	***1.049***	*374*	*654*	
*	*Dự án dự kiến hoàn thành trước 31/12/2023*					*2.935*			*2.350*		*2.935*	*1.976*	*1.049*	*1.049*	*374*	*374*	
-	Công trình cấp NSH đến các hộ bản Tà Chải, Trung Chải	xã Sùng Phài	101 (hộ)	2022-2024	395/22.7.2022	2.935			2.350		2.935	1.976	1.049	1.049	374	374	
*	*Dự án khởi công mới 2024*					*280*			*280*		*280*					*280*	
-	Hỗ trợ nhà ở	xã Sùng Phài		2024-2025		280			280		280					280	
2	***Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết***					***10.500***			***10.362***		***8.118***	***3.478***	***1.959***	***1.959***	***4.640***	***4.640***	

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt				Dự toán sau đấu thầu, chỉ thầu	Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Năm 2023		Ước giải ngân kế hoạch vốn 2023 từ 1/1/2023 đến 31/01/2024	Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2023	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó					Luỹ kế vốn từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn 2023				
							NSTW	NSĐP									
*	*Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024*					*10.500*			*10.362*		*8.118*	*3.478*	*1.959*	*1.959*	*4.640*	*4.640*	
-	Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu	Tp. Lai Châu	Nhóm C	2022-2024	Số 1405 22/7/2022	10.500			10.362		8.118	3.478	1.959	1.959	4.640	4.640	
3	***Dự án 4: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc***					***5.503***			***3.133***		***5.503***	***2.317***	***1.327***	***1.327***	***3.169***	***2.169***	
*	*Dự án dự kiến hoàn thành trước 31/12/2023*					*3.140*			*3.133*		*3.140*	*2.317*	*1.327*	*1.327*	*806*	*806*	
-	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chải	xã Sùng Phài	1,8km	2022-2024	396/22.7.2022	3.140			3.133		3.140	2.317	1.327	1.327	806	806	
*	*Dự án khởi công mới năm 2024*					*2.363*					*2.363*				*2.363*	*1.363*	
-	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu	xã Sùng Phài		2024-2025		863					863				863	863	
-	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Tà Chải	xã Sùng Phài		2024-2025		1.500					1.500				1.500	500	
4	***Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch***					***8.190***					***8.190***	***2.863***	***2.293***	***2.863***	***5.327***	***3.000***	
*	*Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024*					*8.190*					*8.190*	*2.863*	*2.293*	*2.863*	*5.327*	*3.000*	
-	Dân tộc Giấy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu)	Tp. Lai Châu	Nhóm C	2023-2025		8.190					8.190	2.863	2.293	2.863	5.327	3.000	
II	**CT MTQG xây dựng nông thôn mới**					**10.076**			**4.978**		**9.800**	**4.008**	**3.204**	**3.204**	**5.576**	**4.396**	
*	*Dự án hoàn thành trước 31/12/2023*					*2.310*			*2.222*		*2.200*	*1.615*	*811*	*811*	*497*	*497*	
1	Đường giao thông nội đồng bản Cắng Đắng xã San Thàng	xã San Thàng	GTNT C, L=1,6km	2022-2023	685/22.7.2022	2.310			2.222		2.200	1.615	811	811	497	497	
*	*Dự án kiến hoàn thành sau năm 2024*					*2.748*			*2.620*		*2.748*	*2.393*	*2.393*	*2.393*	*227*	*227*	
2	Đường giao thông nội đồng bản Sin Chải, xã Sùng Phài	xã Sùng Phài	GTNT C, L=1,2km	2022-2025	Số: 692 05/12/2022	2.748			2.620		2.748	2.393	2.393	2.393	227	227	
*	*Dự án khởi công mới năm 2024*					*5.018*			*136*		*4.852*				*4.852*	*3.672*	
3	Đường giao thông bản Lò Suối Tùng	xã San Thàng		2024-2025		861			41		820				820	820	
4	Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc trên các tuyến đường trên địa bàn xã San Thàng	xã San Thàng		2.024		252					252				252	252	
5	Đường giao thông nội đồng bản Lùng Thàng	xã Sùng Phài		2024-2025		630					600				600	600	
6	Đường giao thông nội đồng bản Sùng Phài	xã Sùng Phài		2024-2025		1.995			95		1.900				1.900	1.200	
7	Đường giao thông nội đồng bản Căn Câu	xã Sùng Phài		2024-2025		1.280					1.280				1.280	800	